



fēi chí

飞驰

verb · to speed, to race (of vehicles)

Example Sentences

Qì chē zài gāo sù gōng lù shàng fēi chí

汽车在高速公路上飞驰。

The car speeds along the highway.

Huǒ chē fēi chí ér guò dài qǐ yī zhèn fēng

火车飞驰而过，带起一阵风。

The train races by, stirring up a gust of wind.

Trace each character, then write the word on your own.

飞 飞 飞 飞 飞 飞

驰 驰 驰 驰 驰 驰 驰 驰 驰